

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC .. – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DSST
Ngày: 01-8-2025
*V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC .. - ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và bà Lê Thị Đông Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực .. – Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực .. – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực .. – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2025/TLST-DS ngày 28/02/2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 15/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1961; Địa chỉ: 1 N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Mộng T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố D T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Giữa bà H và bà T có quen biết nhau nên ngày 17/8/2017 bà H cho bà T mượn số tiền 30.000.000 đồng, hạn đến ngày 17/9/2017 trả nợ. Mục đích vay tiền là để làm ăn, lãi suất hai bên có thỏa thuận bằng miệng 4,5%/tháng. Ngoài ra, ngày 15/12/2017 bà H cho bà T mượn 30.000.000 đồng, hạn 06 tháng sau sẽ trả. Mục đích vay tiền là để làm ăn, lãi suất hai bên có thỏa thuận bằng miệng 4,5%/tháng. Tuy nhiên đến hạn thì bà T không trả nợ, nhiều lần bà H nhắc nhở, yêu cầu trả nợ thì đến ngày 23/7/2024 (âm lịch) tức ngày 26/8/2024 (dương lịch) hai bên chốt số nợ, bà T còn nợ bà H tổng cộng số tiền 65.000.000 đồng. Sau khi viết giấy nhận nợ, bà T đã trả được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ tổng cộng số tiền 63.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 63.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

* Tại bản tự khai đề ngày 10/7/2025, bị đơn bà Phạm Thị Mộng T trình bày được tóm tắt như sau: Tôi còn nợ bà Nguyễn Thị Kim H tổng cộng số tiền 63.000.000 đồng. Tôi đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực .. – Đắc Lắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bị đơn bà T phải trả số tiền 63.000.000 đồng. Về lãi, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị Mộng T có hộ khẩu thường trú tại Khu phố D T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắc Lắc) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực .. – Đắc Lắc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Mộng T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về nợ gốc: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Mộng T phải trả tổng cộng số tiền nợ gốc 63.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp bản gốc giấy mượn tiền. Căn cứ vào các giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có thể hiện, ngày 17/8/2017 (âm lịch) tức ngày 17/9/2017 (dương lịch) bà H cho bà T mượn số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 15/12/2017 bà H cho bà T mượn số tiền 30.000.000 đồng và hẹn 06 tháng sau trả nợ; Ngày 23/7/2024 (âm lịch) tức ngày 26/8/2024 (dương lịch) bà T đã viết giấy ký xác nhận còn nợ bà H tổng cộng số tiền 65.000.000 đồng và cam kết trả 01 tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H và bị đơn bà T đều xác nhận, từ ngày 26/8/2024 cho đến nay bà T đã trả cho bà H được số tiền 2.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền 63.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng. Bị đơn bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà H như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn bà T phải trả cho nguyên

đơn bà H tổng cộng số tiền 63.000.000 đồng về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian, phương thức trả nợ: Xét thấy, bị đơn bà T xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên yêu cầu của bị đơn bà T không được nguyên đơn bà H chấp nhận nên yêu cầu của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn bà T phải chịu 3.150.000 đồng ($5\% \times 63.000.000$ đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Mộng T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H tổng cộng số tiền 63.000.000 đồng (*sáu mươi ba triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí : Bị đơn bà Phạm Thị Mộng T phải chịu 3.150.000 đồng (*ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực .. – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang